

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HS-ST
Ngày 31-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thương.

Bà Nông Thị Ngọc Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Hà Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nông Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Tô Văn S**, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2005 tại **huyện B, tỉnh Lạng Sơn**. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Tô Văn C** và bà **Hoàng Thị C1**; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính, trách nhiệm hình sự; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2023 đến nay. Có mặt.

2. **Phạm Văn M**, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2005 tại **huyện B, tỉnh Lạng Sơn**. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn H** và bà **Nguyễn Thanh T**; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính, trách nhiệm hình sự; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2023 đến nay. Có mặt.

3. **Lâm Đình K**, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2005 tại **huyện B, tỉnh Lạng Sơn**. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Thôn K, xã M, huyện**

B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn C2 và bà Lâm Thị E; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính, trách nhiệm hình sự; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2023 đến nay. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Tô Văn S: Ông Tô Văn C, sinh năm 1979 là bố đẻ. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Tô Văn S: Bà Nông Thị T1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lâm Đình K: Ông Hoàng N - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tô Văn C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Ông Hoàng Kim H1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khố phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Anh Lâm Văn H2, sinh ngày 20/01/2005. Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Trương Quang T2, sinh ngày 20/9/2005. Vắng mặt.

2. Anh Chu Văn T3, sinh ngày 05/9/2005. Vắng mặt.

3. Anh Lâm Văn M1, sinh ngày 22/6/2005. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 15/6/2023, Tô Văn S nhắn tin qua ứng dụng messenger với Lâm Đình K rủ nhau ăn ốc, uống rượu tại phòng trọ của K tại khố phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Khỏi nhắn tin báo S mang theo cần sa để lúc uống rượu say rồi hút cùng nhau. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Tô Văn S rủ Phạm Văn M cùng đến phòng trọ của K uống rượu. Phạm Văn M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DEEHAN, biển kiểm soát 12BA-005.41 từ nhà đến đón S, khi đến nhà S thì M thấy S đang lấy cần sa khô cho vào túi (số cần sa khô này S tự trồng cây cần sa tại vườn nhà và cắt nhỏ phơi khô cất sẵn trong buồng ngủ của S). M chủ động xin S 01 gói cần sa khô cho vào túi quần, còn S mang theo 02 gói cần sa đã phơi khô mục đích mang đến phòng trọ của K để

cùng nhau hút. **M** cùng **S** đi xe máy đến phòng trọ của **K**. Sau đó cả **M**, **S**, **K** cùng nhau luộc ốc và uống rượu tại trước cửa phòng trọ của **K**, được khoảng 40 phút thì **M** gợi ý hút cần sa, **M** liền vào phòng trọ của **K1** lấy điều cày và bật lửa do **K** đã chuẩn bị từ trước. Tiếp đó, **M** tự lấy gói cần sa trong túi ra sử dụng trước, **M** cho cần sa vào điều cày và dùng bật lửa đốt để hút. Sau khi **M** hút xong thì chuyển điều cày cho **K** hút, **M** dùng bật lửa châm lửa cho **K** hút cần sa. Sau khi **K** hút xong thì chuyển cho **S**, **S** tự dùng bật lửa châm lửa hút cần sa. Khoảng 15 phút sau, **S** tiếp tục cho cần sa vào điều cày hút, sau đó **S** châm lửa cho **Minh h**, **M** hút xong thì dùng bật lửa châm lửa cho **K** cùng hút cần sa. Cả ba người tiếp tục cùng ăn ốc, uống rượu tại trước cửa phòng trọ của **K** thì bị lực lượng **Công an huyện B** kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** đã tiến hành xét nghiệm nhanh các đối tượng **Phạm Văn M**, **Lâm Đình K**, **Tô Văn S** đều dương tính với chất ma túy.

Ngày 16/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Tô Văn S** tại **thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**. Quá trình khám xét thu giữ:

- Lá, thân, cành cây thực vật khô (dạng thảo mộc) được thu giữ trong 01 (một) hộp kim loại màu đỏ phát hiện tại chỗ ngủ của **Tô Văn S**.

- 09 (chín) cây thực vật tươi cao từ 01 mét đến 02 mét, có lá hình răng cưa được phát hiện tại vườn trước cửa hộ gia đình ông **Tô Văn C**, sinh năm 1979, trú tại **thôn N, xã T, huyện B** (là bố đẻ của **Tô Văn S**).

Để có căn cứ xử lý, ngày 16/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** đã ra Quyết định trưng cầu giám định **Phòng K3 Công an tỉnh L** giám định số tang vật thu giữ khi bắt quả tang và khám xét nêu trên. Tại Kết luận giám định số: 669/KL-KTHS ngày 19/6/2023 của **Phòng K3 Công an tỉnh L** kết luận:

- + 01 (một) Phong bì ghi chữ “Tang vật quả tang ngày 15/6/2023 **Tô Văn S**” bên trong có: Lá, thân, cành cây thực vật đều là cần sa, có tổng khối lượng 2,473 gam (đã trừ bì).

- + 01 (một) Hộp giấy cứng, bọc kín bằng giấy trắng ghi chữ “Tang vật khám xét số 1”, bên trong có: Lá, thân, cành cây thực vật đều là cần sa, có tổng khối lượng 41,434 gam (đã trừ bì).

- + 01 (một) Hộp giấy cứng, bọc kín bằng giấy trắng ghi chữ “Tang vật khám xét số 2”, bên trong có: 09 (chín) cây thực vật có lá hình răng cưa đều là cần sa, có tổng khối lượng 3200,00 gam (đã trừ bì).

Căn cứ các tài liệu thu thập được, ngày 24/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với **Tô Văn S**, **Phạm Văn M**, **Lâm Đình K** về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi trồng cây cần sa và tàng trữ lá, thân, cành cây cần sa khô của **Tô Văn S** chưa đủ định mức để truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** đã chuyển **Công an huyện B** xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Đối với **Tô Văn C**, sinh năm 1979, trú tại **thôn N, xã T, huyện B** là bố đẻ của **Tô Văn S**. Số cây cần sa thu giữ tại hộ gia đình **Tô Văn C** không biết **S** trồng từ khi nào, không biết đó là cây có chứa chất ma túy (cây Cần sa), **S** cũng không nói với ai trong gia đình về việc trồng cây cần sa và phơi khô lá, thân, cành cây cần sa cất giấu trong nhà, do đó không có căn cứ xử lý.

Đối với **Hoàng Kim H1**, sinh năm 1973, trú tại **Khối phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn** là chủ nhà trọ **Lâm Đình K** đang ở trọ, không biết việc các đối tượng tổ chức sử dụng ma túy tại khu vực trước cửa phòng trọ nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu DEEHAN, màu xanh bạc, biển kiểm soát 12BA-005.41 thuộc sở hữu của bà **Nguyễn Thị C3**, sinh năm 1959, trú tại **thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn**. Là bà ngoại của **Phạm Văn M**, chỉ cho **M** mượn xe để sử dụng làm phương tiện đi học. Bà **C3** không biết việc **M** sử dụng xe trên đi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, do đó không có căn cứ xử lý.

Đối với anh **Lâm Văn H2** là chủ sở hữu chiếc điều cày. Anh **H2** không biết việc các bị cáo mang đi sử dụng để hút cần sa nên không có căn cứ xử lý. Mặt khác, anh **H2** không có ý kiến xin lại chiếc điều cày.

Đối với vật chứng vụ án đã xử lý: Căn cứ điểm c, khoản 3, điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngày 25/7/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** đã tiến hành tiêu huỷ vật chứng đối với 09 (chín) cây thực vật có lá hình răng cưa đều là cần sa, có tổng khối lượng 2650,00 gam (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết).

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKSBG ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, đã truy tố bị cáo **Tô Văn S** về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; các bị cáo **Phạm Văn M** và **Lâm Đình K** về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy như Cáo trạng truy tố ra trước Tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Tô Văn S**, **Phạm Văn M** và **Lâm Đình K** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

* Về căn cứ pháp luật và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; **Điều 17**; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 91; **Điều 101** của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Tô Văn S** từ 05 năm đến 06 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 16/6/2023.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo **Phạm Văn M**, **Lâm Đình K** từ 07 năm đến 08 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 16/6/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về vật chứng: Đề nghị căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy gồm:

+ Phong bì ghi chữ “Tang vật quả tang ngày 15/6/2023 **Tô Văn S**” bên trong có: Lá, thân, cành cây thực vật đều là cần sa, có tổng khối lượng 1,682 gam (phần hao hụt do làm mẫu giám định hết) và vỏ bao gói (cũ).

+ Hộp giấy cứng, bọc kín bằng giấy trắng ghi chữ “Tang vật khám xét số 1”, bên trong có: Lá, thân, cành cây thực vật đều là cần sa, có tổng khối lượng 36,709 gam (phần hao hụt do làm mẫu giám định hết) và vỏ bao gói (cũ).

+ 01 (một) điều cày hình trụ dài 65,5cm

+ 01 (một) chiếc bật lửa ga màu đỏ, phần đầu bị mất nắp kim loại.

+ 01 (một) hộp kim loại hình trụ màu đỏ, có kích thước chiều cao và đường kính 5,5x19 (cm), mặt ngoài nắp hộp và thân hộp có dòng chữ COSY. Tình trạng: cũ, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 màu xám của **Lâm Đình K**. Tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu xanh dương của **Tô Văn S**. Tình trạng: Nứt vỡ kính cường lực, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

- Trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp:

+ Trả lại tài sản cho chủ sở hữu là bà **Nguyễn Thị C3** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DEEHAN, màu xanh bạc, biển kiểm soát 12BA-005.41, không có gương chiếu hậu.

+ Trả lại tài sản 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu trắng bạc cho bị cáo **Phạm Văn M**, tình trạng: mặt kính bị nứt vỡ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

* Về án phí: Căn cứ theo Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo **Lâm Đình K** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo **Tô Văn S** thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Do đó, các bị cáo **Lâm Đình K** và **Tô Văn S** được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Phạm Văn M** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo **Tô Văn S** trình bày luận cứ về hành vi và tội danh như bị cáo đã thừa nhận, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt, vật chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo được sớm trở về với gia đình, xã hội; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo **Tô Văn S** không có ý kiến bổ sung với người bào chữa, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo **Lâm Đình K** trình bày luận cứ về hành vi và tội danh như bị cáo đã thừa nhận, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt, vật chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo được sớm trở về với gia đình, xã hội; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo **Lâm Đình K** không có ý kiến bổ sung với người bào chữa, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo **Phạm Văn M** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh **Tô Văn C**, bà **Nguyễn Thị C3** không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, vì tuổi đời còn trẻ, để học hỏi, làm người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh **Hoàng Văn H3**, anh **Lâm Văn H2**, người làm chứng anh **Trương Quang T2** và anh **Chu Văn T3** được Tòa án nhân dân huyện Bình Gia triệu tập hợp lệ đến phiên tòa. Xét thấy các bị cáo yêu cầu xử vắng mặt; mặt khác trong hồ sơ Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai những người này, các bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội. Anh **Hoàng Văn H3**, anh **Lâm Văn H2** và anh **Chu Văn T3** có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; do đó căn cứ khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa các bị cáo Tô Văn S, Lâm Đình K, Phạm Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai người làm chứng và cũng phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 15/6/2023, Đội Cảnh sát điều tra hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện B phối hợp với Công an thị trấn B, huyện B phát hiện bắt quả tang Tô Văn S, Phạm Văn M và Lâm Đình K có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại khu nhà trọ của anh Hoàng Kim H1, sinh năm 1973, có địa chỉ tại Khố phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Số lá, thân, cành cây thực vật bị thu giữ qua giám định đều là cần sa, có tổng khối lượng 2,473 gam (đã trừ bì). Đến thời điểm phạm tội Tô Văn S mới 17 tuổi 6 tháng 27 ngày. Do đó có căn cứ xác định bị cáo Tô Văn S về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Văn M và Lâm Đình K về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia truy tố các bị cáo hoàn toàn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được ma túy là loại độc dược gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy. Nhưng các bị cáo vẫn cố tình cung cấp ma túy, chuẩn bị địa điểm, dụng cụ, tổ chức cho người khác sử dụng ma túy, bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh trên địa bàn dân cư. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo tội danh, hình phạt đã quy định tại Bộ luật Hình sự.

[5] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó. Bị cáo Lâm Đình K là người khởi xướng, chuẩn bị địa điểm và các dụng cụ để các bị cáo sử dụng ma túy. Bị cáo Tô Văn S là người cung cấp ma túy. Bị cáo Phạm Văn M là người đón và xin gói cần sa khô của bị cáo S, là người khởi xướng việc hút cần sa, bị cáo chủ động lấy gói cần sa mà bị cáo S cho trước đó ra, lấy điếu cày và bật lửa ga trong phòng của bị cáo K ra và hút trước. Sau đó bị cáo M đưa điếu cày, dùng bật lửa ga cho K hút. Ba bị cáo đều có tích cực có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Tô Văn S, Phạm Văn M và Lâm Đình K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Lâm Đình K có ông ngoại là Lâm Mạnh K2 được Hội đồng cố vấn Chính

phủ cách mạng **lâm thời cộng hòa M2** tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba, được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, **bị cáo là dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng kinh tế có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn**. Bị cáo **Tô Văn S** có bố là **Tô Văn C** có giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ dân quân tự vệ; Ông nội là **Tô Văn T4** có 01 giấy khen có thành tích trong xây dựng công tác hội cựu thanh niên xung phong nhiệm kỳ 2016-2021; 01 (một) giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước và hoạt động “vì nghĩa tình đồng đội” nhiệm kỳ năm 2017 – 2022; 01 (Một) kỷ niệm chương thanh niên xung phong do **ban** tặng; 01 (một) giấy khen do **ty giao thông vận tải L** tặng. Bị cáo **Phạm Văn M** có 01 (một) giấy khen đạt danh hiệu học sinh tiên tiến năm học 2022 – 2023. Gia đình các bị cáo **Tô Văn S**, **Phạm Văn M** có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và có giấy xác nhận của **UBND xã T** về việc tự nguyện ủng hộ phong trào xây dựng đường nông thôn mới với số tiền 500.000 đồng. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo là có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[9] Đối với bị cáo **Tô Văn S**, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên được hưởng chính sách khoan hồng giảm nhẹ của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội. Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt ở mức nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất nhưng vẫn bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Nhưng xét thấy các bị cáo là học sinh, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy gồm: Phong bì ghi chữ “Tang vật quả tang ngày 15/6/2023 **Tô Văn S**” bên trong có: Lá, thân, cành cây thực vật đều là cần sa, có tổng khối lượng 1,682 gam (phần hao hụt do làm mẫu giám định hết) và vỏ bao gói (cũ). Hộp giấy cứng, bọc kín bằng giấy trắng ghi chữ “Tang vật khám xét số 1”, bên trong có: Lá, thân, cành cây thực vật đều là cần sa, có tổng khối lượng

36,709 gam (phần hao hụt do làm mẫu giám định hết) và vỏ bao gói (cũ). 01 (một) điều cày hình trụ dài 65,5cm. 01 (một) chiếc bật lửa ga màu đỏ, phần đầu bị mất nắp kim loại. 01 (một) hộp kim loại hình trụ màu đỏ, có kích thước chiều cao và đường kính 5,5x19 (cm), mặt ngoài nắp hộp và thân hộp có dòng chữ COSY. Tình trạng: cũ, đã qua sử dụng.

[12] Tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 màu xám của **Lâm Đình K**, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu xanh dương của **Tô Văn S**, tình trạng: Nứt vỡ kính cường lực, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong. Đây là phương tiện liên quan hành vi phạm tội.

[13] Trả lại tài sản cho chủ sở hữu là bà **Nguyễn Thị C3** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DEEHAN, màu xanh bạc, biển kiểm soát 12BA-005.41, không có gương chiếu hậu. Do bà **Nguyễn Thị C3** chỉ cho bị cáo **Phạm Văn M** mượn xe để sử dụng làm phương tiện đi học, không biết việc bị cáo **Phạm Văn M** sử dụng xe trên đi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy,

[14] Trả lại tài sản 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu trắng bạc cho bị cáo **Phạm Văn M**, tình trạng: mặt kính bị nứt vỡ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong. **Do không liên quan đến hành vi phạm tội.**

[15] Căn cứ theo Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo **Phạm Văn M** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo **Lâm Đình K** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo **Tô Văn S** thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Do đó các bị cáo **Lâm Đình K** và **Tô Văn S** được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt cũng như các vấn đề khác đối với các bị cáo; cũng như lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo **Tô Văn S**, **Lâm Đình K** là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; **Điều 17**; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 91; **Điều 101** của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Tô Văn S**.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo **Phạm Văn M**, **Lâm Đình K**.

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 262; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo **Tô Văn S**, **Phạm Văn M** và **Lâm Đình K** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

* Hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo **Tô Văn S** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 16/6/2023.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn M** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 16/6/2023.

Xử phạt bị cáo **Lâm Đình K** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 16/6/2023.

* Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy gồm: Phong bì ghi chữ “Tang vật quả tang ngày 15/6/2023 **Tô Văn S**” bên trong có: Lá, thân, cành cây thực vật đều là cần sa, có tổng khối lượng 1,682 gam (phần hao hụt do làm mẫu giám định hết) và vỏ bao gói (cũ). Hộp giấy cứng, bọc kín bằng giấy trắng ghi chữ “Tang vật khám xét số 1”, bên trong có: Lá, thân, cành cây thực vật đều là cần sa, có tổng khối lượng 36,709 gam (phần hao hụt do làm mẫu giám định hết) và vỏ bao gói (cũ). 01 (một) miếng cày hình trụ dài 65,5cm. 01 (một) chiếc bật lửa ga màu đỏ, phần đầu bị mất nắp kim loại. 01 (một) hộp kim loại hình trụ màu đỏ, có kích thước chiều cao và đường kính 5,5x19 (cm), mặt ngoài nắp hộp và thân hộp có dòng chữ COSY. Tình trạng: cũ, đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C15 màu xám của **Lâm Đình K**, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu xanh dương của **Tô Văn S**, tình trạng: Nứt vỡ kính cường lực, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

Trả lại tài sản cho chủ sở hữu là bà **Nguyễn Thị C3** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DEEHAN, màu xanh bạc, biển kiểm soát 12BA-005.41, không có gương chiếu hậu.

Trả lại tài sản 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu trắng bạc cho bị cáo **Phạm Văn M**, tình trạng: mặt kính bị nứt vỡ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

4. Về án phí:

Buộc bị cáo **Phạm Văn M** mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo **Tô Văn S** và **Lâm Đình K** được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Hoàng Kim H1** và anh **Lâm Văn H2** báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hiệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Ngọc Anh Phạm Thị Thương

Dương Thị Hiệt

